Unit 3. Where did you go on holiday?

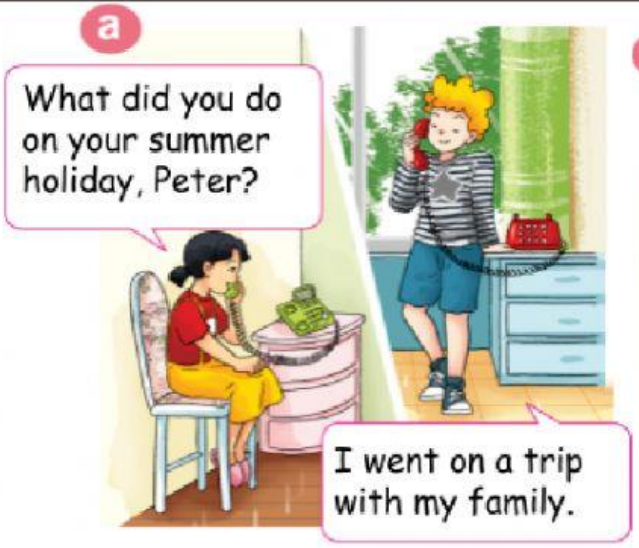
SPEAKING

Act as..... | Đóng vai.....

1.

Act as.....	***Peter:***	***Mai:***

a



b



c



d



2.

Act as.....	***Tom:***	***Mai:***
Mai:	Where were you last weekend, Tom?	 
Tom:	I was at the seaside.	
Mai	Where did you go?	
Tom:	I went to Ha Long Bay	

LIVEWORKSHEETS

3.

Act as.....	*Quan:*	*Mai:*
Mai:	What's that?	 
Quan:	It's a photo of my trip last summer.	
Mai:	Where did you go, Quan?	
Quan:	I went to Hue Imperial City.	

4.

Act as.....	*Linda:*	*Mai:*
Mai:	Where did you go last Sunday, Linda?	 
Linda:	I went to Ha Noi.	
Mai:	Oh, that's great.	

5.

Act as.....	*Nam:*	*Mai:*
Mai:	Where did you go last month, Nam?	 
Nam:	I went to Ho Chi Minh City.	
Mai:	Did you have a good time?	
Nam:	Yes, I did.	

LIVEWORKSHEETS

6.

Act as..... :	:



7.

Hello . My name's Mai . I live in Ha Noi, but my grandparents live in a village in Nam Dinh Province . Last weekend, we went to Nam Dinh by motorbike .

8.

Hi . I'm Linda . My hometown is a small town in the north of England . I went there by train last holiday .

9.

Hello, everyone . My name's Nam . Last summer, I went to the seaside with my parents by taxi .

10.

Hello . My name's Trung . My hometown is Da Nang . Last month, I went there by plane .

LIVEWORKSHEETS

11.

Dear Tony ,
My mother and I went to Phu Quoc Island last summer . First, we went from our house to the airport by taxi . Then we went to the island by plane . It is a wonderful place . In the morning, we played badminton . In the afternoon, we swam in the pool . We had a wonderful time there .
See you soon, Nam

12.

Dear Mai ,
I went back to my hometown to visit my grandparents last weekend . They live in the north of England. I went to King's Cross railway station by underground . Then I took a train to my hometown . I like going by train because I can enjoy the beautiful views on the way . I walked from the train station to my grandparents' house . I had a wonderful time in my hometown .
Love ,
Linda

***Q&A**

1) Where's Linda's hometown?
   → It's in the north of England.
2) How did she get to King's Cross railway station?
   → She got there by underground.
3) How did she get to her hometown?
   → She got there by train.
4) Why does she like going by train?
   → Because she can enjoy the beautiful views on the way.
5) Did she have a good time in her hometown?
   → Yes, she did.

LIVEWORKSHEETS

NOTE

• sth - something - cái gì đó • sb - somebody - ai đó	
• 1	
• summer holiday	kỳ nghỉ hè
• on summer holiday	vào kỳ nghỉ hè
• the...	...này/đó
• trip(s)	chuyến đi, chuyến đi du lịch
• go on a trip = travel	đi du lịch
• like..	như...
• What + was/were + S + like?	....như thế nào?
• really	thực sự, thật sự
• nice	thú vị, hấp dẫn, vui, đẹp, tốt
• What about you?	Còn bạn thì sao?
• 2-3-4-5	
• last	trước, vừa qua, mới nhất
• last weekend	cuối tuần trước
• last summer	mùa hè vừa qua
• last Sunday	Chủ Nhật tuần trước
• last month	tháng trước
• be → was/were	(hiện tại đơn → quá khứ đơn) ở, là...
• seaside	bờ biển

LIVEWORKSHEETS

• at the seaside	ở bờ biển
• of	về/của
• photo(s)	bức ảnh
• a photo of...	một bức ảnh về...
• great	tuyệt vời
• have a good time	có/hưởng một khoảng thời gian tuyệt vời
• Did you have a good time?	Bạn có vui không?
6	
• hometown	quê, quê hương
• province(s)	tỉnh
• go back (to...)	trở về, trở lại
• Australia	nước Úc
7 → 10	
• small	nhỏ, bé
• town(s)	thị trấn, thị xã, thành phố (nhỏ)
• in	ở
• north	miền bắc
• the north of...	miền bắc của...
• the north of England	miền bắc của nước Anh
• last holiday	kỳ nghỉ vừa qua
• everyone	mọi người, mỗi người

LIVEWORKSHEETS

11	
• dear	thân mến, yêu quý
• first	đầu tiên, trước tiên
• from...to...	từ...đến...
• our	của chúng tôi, của chúng ta
• airport(s)	sân bay
• then	sau đó
• wonderful	tuyệt vời
• place(s)	nơi, chốn, vị trí
• swim → swam	(hiện tại đơn → quá khứ đơn) bơi
• pool(s)	bể bơi, hồ bơi
• See you soon.	Hẹn gặp lại.
12	
• king(s)	vua
• cross	ngã tư
• railway	đường sắt
• station	nhà ga, trạm, sân vận động
• King's Cross railway station	Nhà ga Ngã tư Vua
• take → took	(hiện tại đơn → quá khứ đơn) bắt
• take...to...	bắt...đến...
• take a train to my hometown	bắt tàu hỏa về quê

LIVEWORKSHEETS

• can	có thể, biết
• enjoy	tận hưởng, thích
• view(s)	cảnh, tầm nhìn
• on the way	trên đường
• walk → walked	(hiện tại đơn → quá khứ đơn) đi bộ
• train station(s)	ga tàu

LIVEWORKSHEETS